

Bản án số: 211/2018/HNGĐ - ST

Ngày: 22/3/2018

V/v: Ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 9 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Thái Thị Cẩm Hiền

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Văn Tâm.
2. Ông Nguyễn Chí Quý

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Đậu Thị Hải Hoài, Thư ký Tòa án nhân dân Quận 9 – Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 9 tham gia phiên tòa: bà Trương Thị Ngọc Huệ - kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 3 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 9 - Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 755/2017/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 10 năm 2017 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 17/2018/QĐST- HNGĐ ngày 29 tháng 01 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 24/2018/QĐST-HNGĐ ngày 28 tháng 02 năm 2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Trung Thị Nguyệt N, sinh năm 1984 (vắng mặt)

Địa chỉ: Khu phố A, Phường B, Quận D, Thành phố Hồ Chí Minh

Bị đơn: Ông Nguyễn Minh V, sinh năm: 1989 (vắng mặt)

Địa chỉ: Khu phố A, Phường B, Quận D, Thành phố Hồ Chí Minh

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và tài liệu có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn bà Trung Thị Nguyệt N trình bày: Bà và ông V tự nguyện tìm hiểu nhau và chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã X, huyện Y, tỉnh Hậu Giang và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 40/2013, quyền số 01/2013 ngày 12 tháng 3 năm 2013. Trong quá trình chung sống bà và ông V có nhiều điểm không hợp nhau nhưng hai bên đã cố gắng kéo dài để có con. Tuy nhiên, sau một thời gian vẫn không có sự hoà hợp, ông V thường xuyên ăn nhậu, đi sớm về khuya. Cuộc sống cứ thế kéo dài khiến và càng trở nên căng thẳng, vợ chồng thường xuyên cãi vã. Nay, bà N xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn trầm trọng kéo dài nên yêu cầu được ly hôn với ông V. Trong quá trình chung sống, vợ chồng không có con chung, không có tài sản chung và không có nợ chung.

Bị đơn Ông Nguyễn Minh V không đến Tòa án cũng không có văn bản gửi cho Tòa án trình bày ý kiến về việc bà N khởi kiện yêu cầu ly hôn.

Tại phiên tòa:

Bà Trung Thị Nguyệt N có đơn xin vắng mặt.

Ông Nguyễn Minh V vắng mặt không có lý do.

Phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh:

- Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự là đúng theo quy định pháp luật.

- Về nội dung vụ án: xét thấy mâu thuẫn giữa Bà Trung Thị Nguyệt N và Ông Nguyễn Minh V đã trầm trọng, vợ chồng không còn yêu thương, tôn trọng nhau nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn cho bà N được ly hôn với ông V.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Quận 9, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà Trung Thị Nguyệt N nộp đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn với Ông Nguyễn Minh V, ông V có nơi cư trú tại Quận D (Theo kết quả xác minh của Công an phường B, Quận D). Đây là vụ án tranh chấp về hôn nhân gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Về việc tham gia tố tụng của các đương sự: Bị đơn Ông Nguyễn Minh V đã được triệu tập hợp lệ đến dự phiên Tòa đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, nguyên đơn bà Trung Thị Nguyệt N có đơn yêu cầu được vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ vào Điều 227, Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

- Xét yêu cầu của nguyên đơn: Theo giấy chứng nhận kết hôn số 40/2013, quyển số 01/2013 do Ủy ban nhân dân xã X, huyện Y, tỉnh Hậu Giang cấp ngày 12 tháng 3 năm 2013 cho Bà Trung Thị Nguyệt N và Ông Nguyễn Minh V, có cơ sở xác định hôn nhân giữa đôi bên là hôn nhân hợp pháp.

Theo lời khai của bà N, sau khi kết hôn vợ chồng chung sống không hạnh phúc nguyên nhân do vợ chồng không có sự hoà hợp, ông V thường xuyên ăn nhậu, đi sớm về khuya. Vợ chồng đã không sống chung từ giữa năm 2017 đến nay. Trong thời gian ly thân không ai có thiện chí hàn gắn gia đình. Bà N xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục cuộc sống chung với ông V. Đối với ông V, Toà án đã tổng đạt thông báo thụ lý vụ án do bà N khởi kiện, triệu tập ông V đến Toà án để ghi lời khai, hoà giải nhưng ông V không đến Toà án. Khi vụ án được đưa ra xét xử, Toà án cũng đã tổng đạt quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa nhưng ông V vẫn vắng mặt không có lý do, không có ý kiến gửi cho Toà án. Từ đó cho thấy ông V không còn thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng, không còn quan tâm đến cuộc sống hôn nhân với bà N, mục đích hôn nhân cũng không đạt được. Do đó, yêu cầu ly hôn của bà N là có cơ sở chấp nhận.

Về con chung: Đương sự tự khai không có

Về tài sản chung: Đương sự tự khai không có.

Về nợ chung: Đương sự tự khai không có.

- Về án phí sơ thẩm: Bà Trung Thị Nguyệt N phải nộp 300.000 đồng, được cán trừ tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng bà N đã nộp tại biên lai thu tiền số AA/2016/0003290 ngày 20/9/2017 của Chi cục thi hành án dân sự Quận 9.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 227; Điều 228; Điều 238, Điều 271; Điều 273; Điều 278 và Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Áp dụng Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/YBTVQH14; điểm 1.1 mục 1 phần II danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Trung Thị Nguyệt N được ly hôn với Ông Nguyễn Minh V.

Giấy chứng nhận kết hôn số 40/2013, quyền số 01/2013 do Ủy ban nhân dân xã X, huyện Y, tỉnh Hậu Giang cấp ngày 12/3/2013 cho Bà Trung Thị Nguyệt N và Ông Nguyễn Minh V không còn giá trị pháp lý.

- Về con chung: Không có;

- Về tài sản chung: Không có;

- Nợ chung: Không có.

2. Về án phí sơ thẩm: Bà Trung Thị Nguyệt N phải nộp 300.000 đồng, được trừ tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng bà N đã nộp tại biên lai thu tiền số AA/2016/0003290 ngày 20/9/2017 của Chi cục thi hành án dân sự Quận 9. Bà N đã nộp đủ án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Trường hợp vắng mặt thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- VKSND Q.9;
- Chi cục THADS Q9;
- UBND xã X, huyện Y, tỉnh Hậu Giang;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Thái Thị Cẩm Hiền

